

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN**

---



## **SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM**

**Tên sáng kiến** : Một số biện pháp giúp học sinh lớp 3 học  
tốt môn Tiếng Việt thông qua tiết luyện tập  
kiến thức tiếng Việt

**Tên tác giả** : Hoàng Kim Chi

**Đơn vị công tác** : Trường Tiểu học Thanh Xuân Trung

**Chức vụ** : Giáo viên

**NĂM HỌC 2022 – 2023**

## MỤC LỤC

|                                                                             |           |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I. ĐẶT VẤN ĐỀ .....</b>                                                  | <b>3</b>  |
| 1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến .....                            | 3         |
| 2. Mục tiêu của đề tài, sáng kiến .....                                     | 4         |
| 3. Thời gian, đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....                            | 4         |
| 3.1. Thời gian.....                                                         | 4         |
| 3.2. Đối tượng .....                                                        | 4         |
| 3.3. Phạm vi .....                                                          | 5         |
| <b>II. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN .....</b>                                     | <b>6</b>  |
| 1. Hiện trạng vấn đề.....                                                   | 6         |
| 2. Mô tả sáng kiến, giải pháp thực hiện sáng kiến để giải quyết vấn đề..... | 8         |
| 2.1. Chia các bài học thành các dạng bài .....                              | 8         |
| 2.2. Các phương pháp dạy học hiệu quả. ....                                 | 14        |
| 3. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị.....              | 18        |
| 4. Hiệu quả của sáng kiến .....                                             | 18        |
| 4.1. Khoa học .....                                                         | 18        |
| 4.2. Kinh tế .....                                                          | 18        |
| 4.3. Xã hội.....                                                            | 19        |
| 5. Tính khả thi.....                                                        | 19        |
| 6. Thời gian thực hiện đề tài, sáng kiến.....                               | 19        |
| 7. Kinh phí thực hiện đề tài, sáng kiến .....                               | 19        |
| <b>III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.....</b>                                         | <b>20</b> |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>                                              | <b>22</b> |

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

### 1. Tính cấp thiết phải tiến hành sáng kiến

Tiếng Việt là một môn học ở trường phổ thông có nhiệm vụ hình thành năng lực hoạt động ngôn ngữ cho học sinh. Năng lực hoạt động ngôn ngữ được thể hiện trong bốn hoạt động tương ứng với chúng là bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.

Tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt là tiết học trong môn Tiếng Việt có nhiệm vụ hình thành và phát triển cho học sinh năng lực sử dụng từ và câu trong giao tiếp và học tập. Đây là một trong những tiết học có vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống ngôn ngữ nói riêng và môn Tiếng Việt nói chung. Ở tiết học luyện tập kiến thức tiếng Việt đòi hỏi học sinh phải vận dụng những kiến thức tổng hợp từ nhiều môn. Tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt nhằm mở rộng, hệ thống hóa, làm phong phú vốn từ của học sinh, cung cấp cho học sinh những hiểu biết sơ giản về từ và câu, rèn cho học sinh kỹ năng dùng từ đặt câu và sử dụng các kiểu câu để thực hiện tư tưởng, tình cảm của mình, đồng thời có khả năng hiểu và sử dụng các kiểu câu của người khác nói ra trong hoàn cảnh giao tiếp nhất định. Vì vậy, luyện tập kiến thức tiếng Việt được coi là tiết học có tính tổng hợp, có liên quan mật thiết đến các môn học khác. Trên cơ sở nội dung, chương trình tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt và câu có rất nhiều đổi mới, nên đòi hỏi tiết dạy luyện tập kiến thức tiếng Việt phải đạt được mục đích cụ thể hơn, rõ ràng hơn. Ngoài phương pháp người giáo viên, học sinh cần có vốn kiến thức ngôn ngữ về đời sống thực tế. Chính vì vậy, việc dạy tốt tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt không chỉ là nguồn cung cấp kiến thức mà còn là phương tiện rèn kỹ năng nói, viết, cách thành văn cho học sinh. Đây là nhiệm vụ chính yếu, cuối cùng của luyện tập kiến thức tiếng Việt ở tiểu học.

Dạy luyện tập kiến thức tiếng Việt chính là dạy thực hành từ ngữ trên quan điểm giao tiếp, dạy từ trên bình diện phát triển lời nói. Đó chính là công việc làm giàu vốn từ cho học sinh, giúp học sinh mở rộng, phát triển vốn từ (phong phú hóa vốn từ), nắm nghĩa của từ (chính xác hóa vốn từ), luyện tập sử dụng từ (tích cực hoá vốn từ).

Ngôn ngữ (nói – viết) giữ vai trò quan trọng trong sự tồn tại và phát triển xã hội. Chính vì vậy, hướng dẫn cho học sinh nói đúng và viết đúng là hết sức cần thiết. Nhiệm vụ nặng nề đó phụ thuộc phần lớn vào việc giảng dạy môn Tiếng Việt nói chung và tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt nói riêng. Với đặc thù của

tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt là mang tính khô khan, trừu tượng đối với học sinh, vốn từ ngữ của học sinh còn rất hạn hẹp, học sinh chưa mạnh dạn trong việc nói trước tập thể, các bài tập trong sách giáo khoa nhiều, đa dạng và cấu tạo tương đối khó với học sinh, học sinh gặp khó khăn trong việc giải nghĩa từ, đặt câu chưa hay, chưa đúng so với yêu cầu, chưa phân biệt được nghĩa của từ.

Năm học 2022 – 2023 là năm đầu tiên áp dụng chương trình GDPT 2018 với học sinh lớp 3. Môn Tiếng Việt ở chương trình cũ (GDPT 2006), học sinh phải học và ghi nhớ rất nhiều nhưng khả năng vận dụng vào đời sống còn rất hạn chế, các môn học chưa kết nối chặt chẽ khiến học sinh khó vận dụng kiến thức liên môn hay còn thiếu tính mở nên hạn chế khả năng chủ động và sáng tạo của giáo viên cũng như học sinh. Ở chương trình GDPT 2018, môn Tiếng Việt được xây dựng theo mô hình phát triển năng lực thông qua những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại và các phương pháp tích cực hóa hoạt động của người học. Không những thế, chương trình mới còn chú ý đến tính kết nối trong từng môn học, đảm bảo nội dung giáo dục cốt lõi, từ đó hình thành và phát triển năng lực cho học sinh.

Vậy làm thế nào để học sinh hứng thú trong học tập, chủ động chiếm lĩnh kiến thức, tự tin hơn trong các tiết học luyện tập kiến thức tiếng Việt? Chính vì những lí do trên nên tôi chọn đề tài “***Một số biện pháp giúp học sinh lớp 3 học tốt môn Tiếng Việt thông qua tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt***”.

## **2. Mục tiêu của đề tài, sáng kiến**

Qua đề tài của mình, tôi muốn:

- Chia sẻ một số biện pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực môn Tiếng Việt thông qua tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt cho học sinh lớp 3 theo chương trình GDPT 2018.

- Khơi dậy và khuyến khích tình yêu tiếng mẹ đẻ, chữ quốc ngữ. Qua đó bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm yêu thích truyền bá văn hóa dân tộc đến với năm châu.

## **3. Thời gian, đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Thời gian**

- Thời gian nghiên cứu: Từ 12/9/2022 đến 28/3/2023

### **3.2. Đối tượng**

- Học sinh lớp 3 tôi đang giảng dạy qua tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt.
- Nội dung chương trình sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 3.

- Các tài liệu liên quan đến việc dạy học luyện tập kiến thức tiếng Việt cho học sinh lớp 3.

### **3.3. Phạm vi**

Đề tài tập trung vào việc nghiên cứu, tìm tòi và áp dụng thực nghiệm các biện pháp giúp học sinh học tốt môn Tiếng Việt thông qua tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt ở lớp 3A2, trường Tiểu học Thanh Xuân Trung – quận Thanh Xuân – thành phố Hà Nội.

## II. NỘI DUNG CỦA SÁNG KIẾN

### 1. Hiện trạng vấn đề

Mục tiêu của giáo dục Tiểu học đặt ra là: “Giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, phẩm chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học Trung học cơ sở”.

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, ngành giáo dục nói chung và giáo dục Tiểu học nói riêng cũng đòi hỏi có sự đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Luyện tập kiến thức tiếng Việt là một trong những tiết học có vị trí quan trọng của môn Tiếng Việt. Tiết học này có nhiệm vụ hình thành và phát triển cho học sinh năng lực sử dụng từ và câu trong giao tiếp và học tập, góp phần dạy học sinh sử dụng tiếng Việt trong đời sống sinh hoạt. Bên cạnh đó, nhiệm vụ của việc rèn luyện về câu ở Tiểu học nói chung là thông qua các hoạt động thực hành giúp học sinh hệ thống lại những kiến thức sơ giản về ngữ pháp mà các em đã được tích lũy trong vốn sống của mình, dần dần hình thành các quy tắc dùng từ, đặt câu và tạo lập văn bản trong giao tiếp. Từ đó, giúp học sinh nói năng đúng chuẩn, phù hợp với mục đích và môi trường giao tiếp, đồng thời góp phần rèn luyện tư duy và giáo dục thẩm mỹ cho học sinh.

Đó chính là yêu cầu cần đạt trong việc rèn luyện khả năng giao tiếp và góp phần đặc lực vào việc giữ gìn, phát huy sự trong sáng của tiếng Việt và hình thành nhân cách con người Việt Nam.

Tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt cũng nhằm mở rộng, hệ thống hóa làm phong phú vốn từ của học sinh, cung cấp cho học sinh những hiểu biết sơ giản về từ và câu, rèn cho học sinh kỹ năng dùng từ đặt câu và sử dụng các kiểu câu để thực hiện tư tưởng, tình cảm của mình, đồng thời có khả năng hiểu và sử dụng các kiểu câu của người khác nói ra trong hoàn cảnh giao tiếp. Có thể nói luyện tập kiến thức tiếng Việt là tiết học thực hành và rèn luyện tổng hợp, có tính chất tích hợp các tiết học khác trong môn Tiếng Việt.

Qua thực tế giảng dạy, tôi nhận thấy luyện tập kiến thức tiếng Việt là tiết học khó trong các tiết học của môn Tiếng Việt, rất nhiều học sinh không hứng thú học tiết học này, một phần lớn do vốn từ còn hạn chế, khả năng diễn đạt chưa tốt. Học sinh thường ngại đọc các câu chuyện cổ tích hay các tác phẩm văn học để củng cố vốn từ, mà ngược lại chỉ thích đọc truyện tranh. Trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập, do vốn từ còn hạn chế, khả năng tư duy ngôn ngữ và

kỹ năng giao tiếp của các em còn nhiều lúng túng nên học sinh còn ngại nói, vì vậy tiết học chưa đạt hiệu quả cao.

Với vai trò là một giáo viên đang dạy Tiểu học, trăn trở trước những khó khăn, hạn chế vừa nêu trên, bản thân tôi tự nhận thấy mình cần phải nghiên cứu, học hỏi thêm rất nhiều để mỗi giờ dạy luyện tập kiến thức tiếng Việt của mình ngày càng đạt hiệu quả cao, thu hút, khơi gợi được năng lực của từng học sinh.

a. Mở rộng vốn từ: Ngoài những từ ngữ được dạy qua các bài tập đọc, những thành ngữ được cung cấp qua các bài tập viết thì học sinh được mở rộng vốn từ theo từng chủ điểm thông qua các bài tập luyện tập kiến thức tiếng Việt.

b. Ôn luyện về mẫu câu và các thành phần câu:

- Về mẫu câu: Ôn các câu kiểu mẫu câu giới thiệu, câu nêu hoạt động, câu nêu đặc điểm.

- Ôn cách đặt và trả lời câu hỏi “Khi nào?”, “Ở đâu?”, “Bằng gì?”, “Để làm gì?”.

- Ôn luyện về một số dấu câu cơ bản: dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu gạch ngang, dấu ngoặc kép, dấu hai chấm.

c. Bước đầu làm quen với biện pháp nghệ thuật so sánh.

### **Thực trạng dạy và học luyện tập kiến thức tiếng Việt lớp 3**

Luyện tập kiến thức tiếng Việt là một tiết học khó trong môn Tiếng Việt lớp 3. Giáo viên muốn dạy tốt tiết học này cần có thời gian chuẩn bị bài trước khi lên lớp thật kỹ, đưa ra được các hệ thống câu hỏi dẫn dắt, gợi mở cho học sinh, cuốn hút học sinh vào các hoạt động. Học sinh cũng cần có sự chuẩn bị, xem trước bài để hạn chế sự lúng túng. Nhưng thực tế cho thấy, còn một số học sinh cảm thấy không hứng thú với tiết học này, còn gặp khó khăn trong việc diễn đạt rõ nghĩa, thoát ý.

*Về phía giáo viên:*

- Đã có ý thức lập kế hoạch dạy học, đảm bảo mục tiêu của mỗi tiết học, phương pháp dạy theo đặc trưng của tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt nhưng chưa chú trọng đến việc đổi mới nội dung sách giáo khoa, còn lệ thuộc vào sách giáo viên và sách giáo khoa. Trong tiết học, quá chú trọng vào khâu truyền thụ kiến thức, xem nhẹ việc thực hành rèn luyện kỹ năng nói – viết cho học sinh theo các đối tượng khác nhau.

- Giáo viên còn thụ động kiến thức ở sách giáo khoa mà không chịu tìm tòi đọc thêm tài liệu khác liên quan đến giảng dạy, đặc biệt là khi dạy tiếng Việt nên đôi khi lý thuyết suông khiến học sinh khó hiểu.

- Khi tổ chức các hoạt động trong giờ học, giáo viên chưa phân định được hoạt động nào là trọng tâm. Hình thức tổ chức dạy đôi khi còn chưa phong phú do giáo viên chưa thực sự đầu tư vào chất lượng bài soạn.

*Về phía học sinh:*

- Học sinh lớp 3 vẫn đang ở lứa tuổi tò mò, ham học hỏi hay bắt chước nhưng lại chóng chán, nhanh quên, ngại tìm hiểu những văn bản dài, các em còn học thụ động, bắt buộc, trong giờ học còn tỏ ra uể oải, mệt mỏi.

- Một số em học sinh còn lười đọc sách, chủ yếu đọc truyện tranh nên vốn từ còn hạn chế.

- Việc tổ chức học tập trên lớp của giáo viên chưa phát huy được vốn ngôn ngữ vốn có của các em cũng như chưa khơi dậy ở học sinh sự mạnh dạn tự tin trong học tập.

- Khả năng tự tin nói trước lớp của một số học sinh không tốt, còn thiếu tự tin, ngại nói trước lớp. Nhiều học sinh không tự tin giơ tay phát biểu trong giờ học, nếu được cô gọi thì miễn cưỡng đứng lên trả lời.

- Vốn từ ngữ, vốn sống, vốn hiểu biết của các em hạn hẹp, chưa phong phú.

- Sau khi học hết tuần thứ 2 của năm học, tôi đã tiến hành khảo sát và thống kê chất lượng học tập tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt của học sinh lớp 3A2 như sau:

| Nội dung bài                         | Số học sinh | Tỷ lệ % |
|--------------------------------------|-------------|---------|
| Biết dùng từ, đặt câu hợp lý         | 25/53       | 47,2 %  |
| Biết nói - viết thành câu            | 22/53       | 41,5 %  |
| Biết sử dụng các dấu câu đúng vị trí | 30/53       | 56,6 %  |
| Nhận biết được các kiểu câu          | 20/53       | 37,7 %  |

## **2. Mô tả sáng kiến, giải pháp thực hiện sáng kiến để giải quyết vấn đề**

Để học sinh học tốt môn Tiếng Việt thông qua tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt, tôi đã tiến hành một số biện pháp nhằm phát triển năng lực cho học sinh, hình thành cho học sinh một số kỹ năng khi học tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt. Đồng thời giúp giáo viên giảng dạy môn học một cách hiệu quả hơn.

### **2.1. Chia các bài học thành các dạng bài**

Giáo viên xem xét hệ thống bài tập, cấu trúc tri thức tiếng Việt cần hình thành cho học sinh.

Các bài tập về từ:

a) Loại bài tập giúp học sinh mở rộng vốn từ theo chủ điểm:

Loại bài tập này ngoài tác dụng giúp học sinh mở rộng vốn từ còn có tác dụng hình thành và phát triển cho các em khả năng tư duy có hệ thống về mối quan hệ phương ngữ. Về cách dạy loại bài tập tìm từ cùng chủ điểm, giáo viên cần chú ý đến từ mẫu, đó là điểm tựa có tác dụng gợi ý định hướng cho học sinh trong quá trình tìm từ. Đồng thời giáo viên hướng dẫn cho các em xác định đúng yêu cầu của bài tập.

*Ví dụ: Tìm những từ ngữ chỉ nhà trường theo từng nhóm sau: Người/ Địa điểm/ Đồ vật/ Hoạt động (chủ điểm: Cổng trường rộng mở)*

*b) Loại bài tập giúp học sinh nắm nghĩa của từ, mở rộng vốn từ theo quan hệ ngữ nghĩa:*

Đối với bài tập này, giáo viên cần giúp học sinh nắm vững yêu cầu của bài tập là hiểu nghĩa của từ. Do đó, giáo viên cần dựa vào hệ thống câu hỏi để học sinh thực hiện tìm những từ có nghĩa ấy hoặc những từ đó có nghĩa như thế nào. Sau đó giáo viên chữa một phần nhỏ của bài tập làm mẫu bằng cách gọi một học sinh làm cho cả lớp theo dõi góp ý. Giáo viên tiến hành tổ chức cho học sinh cả lớp làm bài tập. Cuối cùng giáo viên tổ chức cho học sinh trong lớp trao đổi, nhận xét về kết quả, rút ra những điểm ghi nhớ về kỹ năng và kiến thức: học sinh nắm nghĩa của từ và biết cách vận dụng làm bài tập.

*Ví dụ: Bài tập 1 trang 126 Sách kết nối tri thức với cuộc sống Tập 1*

1. Tìm các từ ngữ phù hợp với các cột trong bảng.

| NGHỀ NGHIỆP     |                                                                                     |                                                                                      |
|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên nghề nghiệp | Người làm nghề                                                                      | Công việc                                                                            |
| Nghề y          | Điều dưỡng                                                                          | Chăm sóc bệnh nhân                                                                   |
|                 |  | Chữa bệnh                                                                            |
| Nghề dược       |  |  |
| Nghề nông       |  |  |

Loại bài tập này, dựa trên mối quan hệ ngữ nghĩa các từ để tiến hành tìm các từ ngữ có quan hệ với nhau về nghĩa nhằm mở rộng và phát triển vốn từ cho các em, làm phong phú vốn từ. Như vậy, giáo viên phải hướng dẫn học sinh nắm nghĩa của từ cho sẵn, để định hướng tìm đúng từ cần tìm theo những nội dung mà bài tập đã cho.

*c) Loại bài tập tìm từ ngữ cùng chủ điểm:*

Loại bài tập này, ngoài tác dụng giúp học sinh mở rộng vốn từ, còn có tác dụng hình thành và phát triển cho các em khả năng tư duy có hệ thống về mối quan hệ phương ngữ. Về cách dạy loại bài tập tìm từ cùng chủ điểm, giáo viên cần chú ý đến từ mẫu, đó là điểm tựa có tác dụng gợi ý định hướng cho học sinh trong quá trình tìm từ. Đồng thời giáo viên hướng dẫn cho các em xác định đúng yêu cầu của bài tập.

Ví dụ: Bài 1 trang 94 Sách Kết nối tri thức với cuộc sống tập 2



d) Loại bài tập xếp các từ ngữ cùng chủ điểm vào loại từ thích hợp

Đối với loại bài tập này, ở lớp 3 thường tập trung phát triển vốn từ cho học sinh và lồng ghép trong nhiều dạng bài khác nhau. Những từ loại ở đây chỉ là những kiến thức sơ giản, cung cấp cho các em nắm được những từ chỉ người, con vật, đồ vật; từ chỉ hoạt động, trạng thái; từ chỉ đặc điểm, tính chất. Qua việc cung cấp các từ loại, giáo viên cần giúp các em biết dùng các từ loại đó đặt câu cho phù hợp.

Ví dụ: Bài tập 1 trang 37 Sách Kết nối tri thức với cuộc sống Tập 2

1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.

|                   |             |                     |                 |
|-------------------|-------------|---------------------|-----------------|
| mênh mông         | núi         | uốn lượn            | ruộng bậc thang |
| thác nước         | ngoằn ngoèo | trắng xóa           | suối            |
| sùng sững         | rừng        | gập ghềnh           | quanh co        |
| Từ ngữ chỉ sự vật |             | Từ ngữ chỉ đặc điểm |                 |
| M: núi            |             | M: sùng sững        |                 |

Để làm được bài tập này, trước hết giáo viên phải cho học sinh đọc hết các từ ngữ đề bài cho và mẫu của đề bài, từ đó cho học sinh xác định từ loại. Giáo viên mở rộng thêm cho học sinh các từ chỉ đặc điểm ứng với từ chỉ sự vật nào.

### 2.1.1. Rèn luyện cho học sinh các kỹ năng dùng từ đặt câu và sử dụng dấu câu

#### a) Loại bài tập dùng từ đặt câu:

Loại bài sử dụng từ này chủ yếu luyện cho học sinh biết kết hợp các từ ngữ trong câu có tác dụng rèn luyện tư duy hệ thống các từ cho các em. Như vậy khi các từ kết hợp với nhau để tạo nên câu thì ở chúng hình thành mối quan hệ về ý nghĩa và quan hệ về ngữ pháp. Do đó muốn “dùng từ đặt câu” đúng thì các em phải thiết lập được mối quan hệ về ý nghĩa và quan hệ ngữ pháp giữa các từ phải hợp lý. Đối với kiểu bài tập này không chỉ liên quan đến vấn đề ngữ pháp nên yêu cầu giáo viên rèn cho học sinh kỹ năng “lựa chọn từ, kết hợp từ” để tạo thành câu. Giáo viên lưu ý đến việc hướng dẫn cho các em biết dựa vào đặc điểm của sự vật và hiện tượng để phân loại, phân nhóm từ; mỗi loại và mỗi nhóm từ này là một hệ thống ngữ nghĩa cho việc dùng từ đặt câu chính xác hơn.

*Ví dụ: Bài 2 trang 16 Sách Kết nối tri thức với cuộc sống Tập 1*

| Từ ngữ chỉ sự vật |             | Từ ngữ chỉ hoạt động |
|-------------------|-------------|----------------------|
| Chỉ người         | Chỉ con vật |                      |
| bác nông dân      |             | gặt lúa              |
|                   | con trâu    | gặm cỏ               |
| (...)             | (...)       | (...)                |

#### 2. Dựa vào từ ngữ tìm được ở bài tập 1, đặt câu.

##### a. Câu giới thiệu

**M:** Các cô bác nông dân là những người làm ra lúa gạo.

##### b. Câu nêu hoạt động

**M:** Các cô bác nông dân đang gặt lúa.

#### b) Loại bài tập “Đặt câu theo các kiểu câu đã học”.

Giúp học sinh biết nhận ra và biết đặt câu theo các kiểu câu đơn, ngay những bài tập đầu tiên ở dạng này, giáo viên cần cho các em nắm rõ yêu cầu của đề bài và bám theo mẫu cho sẵn, tập trung uốn nắn trong quá trình luyện nói cho học sinh để giúp các em biết vận dụng tốt khi làm bài tập.

Ví dụ: Đặt câu theo mẫu câu nêu đặc điểm để miêu tả:

Một bác nông dân.

Một bông hoa trong vườn. Một buổi sớm mùa đông.

Mẫu: Buổi sớm hôm nay lạnh cóng tay.

*c) Loại bài tập sử dụng dấu câu:*

Loại bài tập này giúp các em bước đầu có ý thức và biết đặt dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy vào đúng chỗ. Trong quá trình hướng dẫn học sinh làm bài tập, giáo viên cần đảm bảo quy trình sau: cho các em đọc và xác định đúng yêu cầu của bài tập, học sinh được tham gia giải một phần bài tập yêu cầu các em nắm được đặc điểm của câu thông qua đọc nhằm để tư duy tìm và điền dấu câu cho thích hợp (dựa vào vốn sống của các em, ở mức độ kiến thức lớp 3 thì không có phần bài học).

*Ví dụ: Em hãy chọn dấu chấm hay dấu phẩy để điền vào chỗ trống (...)?*

### TRÁI ĐẤT VÀ MẶT TRỜI

Tuần lên bảy tuổi ( ) em rất hay hỏi ( ) một lần ( ) em hỏi bố:

Bố ơi, con nghe nói trái đất quay xung quanh mặt trời. Có đúng thế không bố? Đúng đấy ( ) con ạ! – Bố Tuấn đáp.

Thế ban đêm không có mặt trời thì sao?

#### **2.1.2. Các bài tập về biện pháp tu từ: so sánh**

Thông qua các bài tập về biện pháp tu từ nhằm giúp các em có nhận biết về các biện pháp tu từ như: biết phép so sánh. Qua đó, làm cơ sở để các em bước đầu sử dụng biện pháp tu từ vào việc dùng từ, đặt câu. Loại bài tập này, đòi hỏi mức độ phát triển tư duy về ngôn ngữ của các em cao hơn nhiều so với các dạng bài tập đã nêu ở trên. Do đó, giáo viên phải có vốn kiến thức vững vàng, biết sử dụng thủ pháp và hình thức dạy học sáng tạo để tạo cho các em hứng thú tìm tòi kiến thức nhờ chủ động làm các bài tập. Yêu cầu đặt ra là phải cho học sinh xác định đúng trọng tâm yêu cầu của bài tập, phải hướng cho học sinh làm bài tập từ bước dễ làm đến bước phức tạp hơn. Giáo viên có thể giúp và cùng học sinh làm một phần bài tập, sau đó hướng dẫn cho cả lớp làm bài tập, trao đổi nhận xét và giáo viên chốt lại kiến thức cần cung cấp (kiến thức học sinh cần nắm).

*Ví dụ: Tìm những sự vật được so sánh với nhau trong các câu thơ dưới đây:*

Thân dừa bạc phéch tháng năm

Quả dừa – đàn lợn con nằm trên cao.

Đêm hè, hoa nở cùng sao

Tàu dừa – chiếc lược chải vào mây xanh.

\* Sự vật được so sánh: quả dừa được so sánh với đàn lợn con, tàu dừa được so sánh với chiếc lược.

#### **2.1.3. Thực hiện đổi mới phương pháp trong dạy luyện tập kiến thức tiếng Việt**

Nội dung và phương pháp dạy học bao giờ cũng gắn bó với nhau. Mỗi nội dung đòi hỏi một phương pháp thích hợp. Các kĩ năng giao tiếp không thể được

hình thành và phát triển bằng con đường truyền giảng thụ động. Muốn phát triển những kĩ năng này, học sinh phải được hoạt động trong môi trường giao tiếp dưới sự hướng dẫn của thầy, cô. Các kiến thức về ngôn ngữ văn học, văn hóa, tự nhiên xã hội có thể được tiếp thu qua lời giảng, nhưng học sinh chỉ làm chủ được những kiến thức này khi các em chiếm lĩnh chúng bằng chính hoạt động có ý thức của mình. Cũng như vậy, những tư tưởng, tình cảm và nhân cách tốt đẹp chỉ có thể được hình thành chắc chắn thông qua sự rèn luyện trong thực tế. Đó là những lý do cắt nghĩa sự ra đời của phương pháp mới – phương pháp tích cực hóa hoạt động của người học.

Tích cực hóa hoạt động của người học được hiểu là phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm, trong đó thầy, cô đóng vai trò người tổ chức hoạt động của học sinh, mỗi học sinh đều được hoạt động, mỗi học sinh đều được bộc lộ mình và được phát triển.

#### **2.1.4. Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong tiết học**

Học sinh được giáo viên tạo mọi điều kiện để tham gia vào tiết học (trả lời câu hỏi, phát biểu về nghĩa, đặt câu,...), đề xuất cách làm bài tập, biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của các bạn, được tham gia làm bài tập, tham gia các trò chơi học tập,...

Trong tiết học, giáo viên giữ vai trò tổ chức, hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài và làm bài tập, lắng nghe và sửa chữa, uốn nắn cho từng học sinh nhưng không áp đặt và gò ép.

*Ví dụ: Bài 3 trang 29 (Sách giáo khoa Tiếng Việt 3 tập 2 – Kết nối tri thức với cuộc sống)*

**3.** Quan sát tranh, tìm những sự vật có đặc điểm giống nhau (hình dạng, màu sắc,...). Đặt câu so sánh các sự vật đó với nhau.

**M:** Mắt mèo tròn như hòn bi ve.



Với bài tập này, ngoài việc học sinh biết so sánh các sự vật với những hình ảnh có sẵn trong sách giáo khoa, giáo viên khuyến khích học sinh tìm thêm những hình ảnh so sánh phù hợp với sự vật được so sánh.

Ví dụ: Mặt trăng tròn như quả bưởi

→ Mặt trăng tròn như quả bóng

### 2.1.5. Sử dụng có hiệu quả đồ dùng dạy học

Đồ dùng dạy học thông thường trong tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt là tranh phóng to minh họa của sách giáo khoa, hay một số vật thực hoặc mô hình để giảng từ và ý. Ngoài ra, trong tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt cũng có thể sử dụng các trang thiết bị như máy chiếu, các đoạn phim minh họa cho nội dung học. Tuy nhiên, không nên lạm dụng nếu không thật cần thiết, làm mất thời gian trong tiết dạy.

Ví dụ: Bài 1 trang 108 (Sách giáo khoa Tiếng Việt 3 tập 2 – Kết nối tri thức với cuộc sống)



1. Giới thiệu một lễ hội (hoặc hội) mà em biết.

M:

| Tên lễ hội (hoặc hội) | Địa điểm tổ chức lễ hội (hoặc hội) | Các hoạt động trong lễ hội (hoặc hội)         |
|-----------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Lễ hội đền Hùng       | tỉnh Phú Thọ                       | dâng hương, gói bánh chưng, giã bánh giầy,... |
| Lễ hội đua ghe ngo    | tỉnh Sóc Trăng                     | lễ xuống ghe, lễ cúng trăng, đua ghe ngo,...  |



Với bài tập này yêu cầu học sinh về nhà tự tìm hiểu về các lễ hội, sưu tầm trước tranh ảnh về lễ hội để phục vụ cho bài học.

## 2.2. Các phương pháp dạy học hiệu quả.

### 2.2.1. Vận dụng phương pháp thực hành giao tiếp để tổ chức dạy học

Nội dung dạy học luyện tập kiến thức tiếng Việt ở lớp 3 được xây dựng qua một hệ thống bài tập, không có phần lý thuyết nên tổ chức thực hiện tốt các bài tập luyện tập kiến thức tiếng Việt có vai trò quyết định đối với chất lượng dạy học tiết học này. Chính vì thế, phương pháp thực hành là phương pháp giảng dạy bắt buộc trong các tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt ở lớp 3, tạo cơ hội cho học sinh

tự hình thành kỹ năng, còn giáo viên lại có ngay thông tin phản hồi về kết quả học tập của học sinh. Cụ thể, giáo viên có thể dùng phương pháp thực hành giao tiếp để truyền đạt tri thức luyện tập kiến thức tiếng Việt, để dạy sử dụng từ và câu.

Để đảm bảo thành công cho các hoạt động thực hành trong các tiết học luyện tập kiến thức tiếng Việt, giáo viên phải dành thời gian chuẩn bị các nội dung thực hành sao cho phù hợp với từng đối tượng học sinh, phải kiểm tra được các hoạt động thực hành của học sinh để tránh tình trạng học sinh làm sai từ đầu đến cuối hoặc không tham gia thực hành.

*Ví dụ: Tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt ở tuần 7, bài tập 4 (trang 64, 65) giúp học sinh ôn luyện dùng các dấu câu để đặt vào ô trống cho phù hợp.*

Giáo viên có thể đưa ra 3 cách thực hiện phù hợp với từng đối tượng học sinh trong lớp. Ba cách đó là:

- Cách 1: Hệ thống câu hỏi gợi mở (thường sử dụng hướng dẫn đối tượng học sinh tiếp thu còn chậm);
- Cách 2: Phiếu sơ đồ trợ giúp (thường sử dụng hướng dẫn đối tượng học sinh nhận thức nhanh hơn một chút);
- Cách 3: Khai thác sử dụng ngữ cảm của học sinh (đối tượng học sinh tiếp thu tốt, nắm chắc kiến thức)

Ba cách trên giáo viên sử dụng một cách linh hoạt. Một bài tập, giáo viên có thể chia nhóm cùng trình độ để sử dụng cả ba cách để hoàn thành bài tập phù hợp với đối tượng học sinh. Ba cách trên nên được sử dụng mềm dẻo, linh hoạt tùy thuộc vào nội dung bài tập và đối tượng học sinh cả lớp.

*Ví dụ: Điền dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong mỗi câu sau:*

- a) Buổi sáng vì trời mưa mẹ và bé Lan phải đến trường bằng xe buýt.
- b) Tối tối mẹ thường kể chuyện cho chúng tôi nghe.
- c) Ngoài đường xe cộ vẫn đi lại tấp nập bất chấp cơn mưa đang nặng hạt dần.
- d) Rừng nguyên sinh Nam Cát Tiên là khu bảo tồn đa dạng sinh học với ít nhất 55 loài động vật có vú hơn 300 loài chim 40 loài bò sát rất nhiều loài lưỡng cư và cá nước ngọt... Thảm thực vật ở đây rất phong phú. Hàng trăm loại cây khác nhau làm thành các loại rừng: rừng thường xanh rừng bán thường xanh rừng tre rừng hỗn hợp.

Cách 1: Hệ thống câu hỏi gợi mở:

- Tìm bộ phận trả lời cho câu hỏi Khi nào? Ở đâu? Vì sao? đứng ở đầu câu.
- Tìm các từ ngữ có ý liệt kê các loài động vật, các loại rừng.

- Các cặp từ ngữ đó cùng trả lời cho câu hỏi gì?
- Dùng dấu phẩy tách các bộ phận câu vừa xác định.

Cách 2: Sơ đồ hỗ trợ

|         |                                                              |
|---------|--------------------------------------------------------------|
| Khi nào | mẹ và bé Lan phải đến trường bằng xe buýt?                   |
| Vì sao  | mẹ và bé Lan phải đến trường bằng xe buýt?                   |
| Ở đâu   | xe cô vẫn đi lại tấp nập bất chấp cơn mưa đang nặng hạt dần? |

Cách 3: Khai thác kinh nghiệm ngữ cảm của học sinh.

### 2.2.2. Vận dụng phương pháp trò chơi học tập trong dạy học

Việc vận dụng phương pháp trò chơi học tập nhằm gây hứng thú cho học sinh, học sinh tích cực học tập, qua đó góp phần hình thành tri thức mới và củng cố kiến thức đã học.

Các bước tiến hành khi sử dụng phương pháp trò chơi gồm 3 bước như sau:

Bước 1: Chuẩn bị

Bước 2: Tổ chức trò chơi

Bước 3: Đánh giá, tổng kết

Trò chơi học tập là một trò chơi đặc biệt, chính vì vậy chúng có một số yêu cầu khác so với trò chơi thông thường nhằm đảm bảo đạt mục đích của việc tổ chức trò chơi. Tổ chức trò chơi nhằm mục đích củng cố, khắc sâu nội dung kiến thức bài học, nghĩa là trò chơi phải gắn giữa tri thức và kỹ năng. Đồng thời trò chơi phải phù hợp với nội dung, nội dung phải mang tính thực tiễn và phù hợp với khả năng của học sinh. Hình thức chơi cũng phải đa dạng và phong phú, có sự thay đổi, tránh sự lặp đi lặp lại một trò chơi trong tiết học. Đặc biệt không nhất thiết phải tổ chức trò chơi trong một thời điểm ấn định trước, mà có thể diễn ra xuyên suốt trong quá trình học.

Các trò chơi học tập trong tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt, dựa trên cơ sở lí luận, tôi đã xây dựng một hệ thống trò chơi học tập như sau:

- Trò chơi: Ai tài đối đáp, tiếp sức, rung chuông vàng, ô chữ Olympia, ghép đôi, đố bạn, truyền điện, hỏi nhanh đáp giỏi, xếp từ theo nhóm, trổ tài nhân hóa, truy tìm dấu phẩy... Với những trò chơi trên, mỗi trò chơi mang một ý nghĩa riêng, với cách thức tổ chức, thực hiện khác nhau nhưng tất cả các trò chơi đều có chung mục đích đó là đem lại hứng thú học tập cho học sinh, qua đó giáo viên truyền tải kiến thức cần truyền đạt.

- Tổ chức trò chơi học tập cho các bài học cụ thể trong tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt lớp 3.

### **2.2.3. Vận dụng phương pháp học hợp tác nhóm để tổ chức dạy học**

Dạy học luyện tập kiến thức tiếng Việt bằng phương pháp học hợp tác nhóm nhằm hình thành ở học sinh khả năng giao tiếp, đặc biệt là giao tiếp miệng, khả năng hợp tác, khả năng thích ứng và khả năng độc lập suy nghĩ. Khi tổ chức dạy học tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt ở lớp 3 bằng phương pháp học hợp tác nhóm, giáo viên cũng có cơ hội tận dụng ý kiến và kinh nghiệm của người học. Học sinh khi làm việc theo nhóm, hơn hẳn khi làm việc độc lập, các em dễ dàng nghĩ ra cách làm và đáp án của bài tập. Sử dụng phương pháp học hợp tác nhóm trong dạy học luyện tập kiến thức tiếng Việt lớp 3 cần phải đáp ứng các yêu cầu: các đề tài đưa ra thảo luận phải có tác dụng kích thích sự suy nghĩ, tò mò của các em, cần đảm bảo học sinh hiểu những gì mình được học thông qua thảo luận và khuyến khích động viên học sinh mạnh dạn tham gia thảo luận.

Để sử dụng phương pháp học hợp tác nhóm, giáo viên cần sử dụng những biện pháp và kỹ thuật sau: lập kế hoạch cho buổi thảo luận nhóm, tổ chức hoạt động cho các nhóm thảo luận, đưa ra hệ thống câu hỏi mở để kích thích khả năng sáng tạo của học sinh. Cần lưu ý rằng hình thức thảo luận, chỉ những vấn đề cần thiết mới đưa ra thảo luận, nếu không sẽ làm lãng phí thời gian của cả lớp.

### **2.2.4. Vận dụng phương pháp sử dụng tình huống có vấn đề để tổ chức hoạt động**

Phương pháp sử dụng tình huống có vấn đề nhằm hình thành ở học sinh khả năng tư duy giải quyết vấn đề, khả năng thích ứng, khả năng hợp tác trong đời sống, đặc biệt trong giao tiếp. Phương pháp này đòi hỏi học sinh tham gia giải quyết các vấn đề do một hoặc một số tình huống đặt ra. Nhờ đó học sinh vừa nắm được tri thức, vừa phát triển tư duy sáng tạo và chủ động chiếm lĩnh tri thức mới.

Vậy thế nào là một tình huống có vấn đề trong dạy học luyện tập kiến thức tiếng Việt lớp 3? Tình huống có vấn đề là một tình huống gợi ra cho học sinh những khó khăn về lý luận hay thực tiễn mà các em thấy cần thiết và có khả năng vượt qua, nhưng không phải ngay tức khắc nhờ một thuật giải, mà phải trải qua một quá trình tích cực suy nghĩ hoạt động để biến đổi đối tượng hoặc điều chỉnh kiến thức sẵn có. Tình huống có vấn đề trong dạy học luyện tập kiến thức tiếng Việt lớp 3 được xây dựng trên 3 yếu tố: nhiệm vụ nhận thức, nhu cầu nhận thức và khả năng nhận thức.

Khi dạy học luyện tập kiến thức tiếng Việt ở lớp 3 bằng các tình huống có vấn đề, giáo viên có thể tạo các tình huống có vấn đề bằng cách nêu mục đích

hình thành kiến thức và kĩ năng mới; nêu nhu cầu cần biết kiến thức mới của bản thân học sinh; nêu dự báo khả năng nắm được kiến thức, kĩ năng mới đó của học sinh.

### 3. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị

Trong quá trình giảng dạy, tôi đã đưa ra các biện pháp nêu trên và đã áp dụng vào giảng dạy, đã thu được rất nhiều kết quả khả quan: học sinh học tập hào hứng hơn, mạnh dạn hơn, vốn từ của học sinh phong phú hơn, câu văn giàu hình ảnh. Giờ học luyện tập kiến thức tiếng Việt đã trở nên nhẹ nhàng và cuốn hút hơn, học sinh tích cực hoạt động hơn. Với những kinh nghiệm đã áp dụng ở lớp mình, tôi cảm thấy phương pháp này đã thực sự đạt hiệu quả.

Kết quả thu được của lớp tôi trong năm học 2022 – 2023 như sau:

*\*Đầu năm học:*

| Nội dung bài                         | Số học sinh | Tỷ lệ % |
|--------------------------------------|-------------|---------|
| Biết dùng từ, đặt câu hợp lý         | 25/53       | 47,2 %  |
| Biết nói - viết thành câu            | 22/53       | 41,5 %  |
| Biết sử dụng các dấu câu đúng vị trí | 30/53       | 56,6 %  |
| Nhận biết được các kiểu câu          | 20/53       | 37,7 %  |

*\*Tính đến tháng 3 năm 2023*

| Nội dung bài                         | Số học sinh | Tỷ lệ % |
|--------------------------------------|-------------|---------|
| Biết dùng từ, đặt câu hợp lý         | 45/53       | 84,9 %  |
| Biết nói - viết thành câu            | 48/53       | 90,6 %  |
| Biết sử dụng các dấu câu đúng vị trí | 50/53       | 94,3 %  |
| Nhận biết được các kiểu câu          | 51/53       | 96,2 %  |

### 4. Hiệu quả của sáng kiến

#### 4.1. Khoa học

Học sinh hứng thú học tập môn Tiếng Việt giúp học sinh phát triển ngôn ngữ nhanh chóng, hiệu quả. Từ đó giúp học sinh khơi dậy tình yêu tiếng mẹ đẻ, chữ quốc ngữ, giúp học sinh nắm tốt kiến thức, kĩ năng trong việc tìm hiểu, phân tích và làm chính xác các bài tập trong tiết học luyện tập kiến thức tiếng Việt.

#### 4.2. Kinh tế

Đây là một đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội nên khó định lượng về hiệu quả kinh tế nhưng đề tài này không gây tổn kém về kinh tế và có thể áp dụng được rộng rãi trong các trường Tiểu học, góp phần đem lại hiệu quả tích cực với cả giáo viên và học sinh.

### **4.3. Xã hội**

Giúp học sinh hình thành các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nhận thức, kỹ năng suy nghĩ, kỹ năng sáng tạo, kỹ năng ra quyết định. Qua đó giúp học sinh nhìn nhận đúng về bản thân, tự tin, tự trọng, không ngừng vươn lên trong học tập, cuộc sống.

### **5. Tính khả thi**

Tôi đã áp dụng thành công các phương pháp nêu trên và thu được kết quả tốt. Đây là những phương pháp khả thi, có thể áp dụng rộng rãi ở nhiều trường Tiểu học trên địa bàn Quận cũng như khắp cả nước. Đối với học sinh lớp tôi đang trực tiếp giảng dạy, các em đã hào hứng, hứng thú hơn khi tham gia vào các tiết học. Tôi tin rằng, các em học sinh khác cũng sẽ có sự hứng thú như vậy. Từ đó nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường.

### **6. Thời gian thực hiện đề tài, sáng kiến**

- Từ tháng 9/2022 đến tháng 3/2023

### **7. Kinh phí thực hiện đề tài, sáng kiến**

- Toàn bộ kinh phí về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tài liệu dùng nghiên cứu đề tài đều có sẵn từ nguồn thư viện của trường và được nhà trường hỗ trợ.

### III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

*Qua việc thực hiện các giải pháp trên, tôi rút ra bài học sau:*

- Dạy học luyện tập kiến thức tiếng Việt nên theo phương pháp tích hợp các tiết học trong môn Tiếng Việt. Biết kết hợp mối quan hệ chặt chẽ về yêu cầu kiến thức tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt của các khối lớp.

- Trong giảng dạy giáo viên có đầu tư nghiên cứu sâu, phối hợp tổ chức linh hoạt các hình thức và phương pháp dạy học theo hướng đổi mới.

- Giáo viên có ý thức tự học, tham khảo các tài liệu, tạp chí, văn bản có liên quan đến chuyên môn và các dạng bài khó.

- Động viên, khuyến khích học sinh tự học, tự tìm tòi, tận tâm sửa chữa sai sót cho học sinh.

- Giúp học sinh tự tin, mạnh dạn phát biểu trong các hoạt động học tập, có kĩ năng trong giao tiếp ứng xử.

- Hình thành cho các em thói quen học tập, làm việc một cách khoa học.

*Trong thực tế làm công tác chủ nhiệm lớp, tôi có một vài khuyến nghị sau:*

- Đối với phòng GD và ĐT:

Tôi mong muốn được tham gia học tập và học hỏi thêm nhiều buổi tập huấn chuyên đề về các tiết học luyện tập kiến thức tiếng Việt để tôi có được nhiều kinh nghiệm hơn trong thực tế giảng dạy của mình.

- Đối với Ban giám hiệu nhà trường:

Tôi mong muốn Ban giám hiệu nhà trường tạo điều kiện, khuyến khích giáo viên chủ động, sáng tạo trong việc giảng dạy để học sinh tham gia học một cách tích cực, chủ động hơn.

- Đối với tổ chuyên môn:

Trong quá trình dạy học nói chung và dạy học môn Tiếng Việt ở Tiểu học nói riêng, giáo viên cần có ý thức nghiên cứu, tìm hiểu, vận dụng nhiều biện pháp, thủ thuật để nâng cao hiệu quả học tập cho học sinh.

Cần có các buổi sinh hoạt chuyên môn có chất lượng, lên các tiết dạy chuyên đề để giáo viên có thể học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Trên đây là một kinh nghiệm nhỏ mà tôi đã thử nghiệm thành công tại lớp do tôi trực tiếp giảng dạy để góp phần giúp học sinh học tốt tiết luyện tập kiến thức tiếng Việt lớp 3. Rất mong nhận được sự góp ý các cấp lãnh đạo và bạn bè đồng nghiệp để sáng kiến của tôi được hoàn thiện hơn.

**Tôi xin chân thành cảm ơn!**

Thanh Xuân, ngày 27 tháng 3 năm 2023

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN**

**Người viết**

**Hoàng Kim Chi**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2007), *Phương pháp dạy học các môn học ở tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Dự án Việt Bỉ, *Áp dụng dạy và học tích cực trong môn tiếng Việt*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
3. Nguyễn Kế Hào (2005), “*Đổi mới tư duy giáo dục*”, Tạp chí dạy và học ngày nay.
4. Phó Đức Hòa (2009), *Dạy học tích cực và cách tiếp cận trong dạy học tiểu học*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội
5. Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam (2022) *Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 3 – bộ Kết nối tri thức với cuộc sống* Tập 1 & 2
6. Mạng Internet.